











CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers should be aware of the following:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định, Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.

Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.

2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.

3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật và phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với trách nhiệm tham gia giao thông không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.

4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.

Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.

5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.

Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.

6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.

BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOC - Vietnam Register

Ng: VA 1280692

CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE CƠ GIỚI

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Số đăng ký: 29A-000.58

Số quản lý PT: 3302S-026783

(Vehicle inspection No.)

Loại phương tiện: ô tô con

(Vehicle's type)

Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

(Clean, green energy vehicle)

Cho phép tự động hoá

(Allows automation)

Một phần

(Partially)

Toàn phần

(Fully)

Nhãn hiệu, tên thương mại: TOYOTA

(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): COROLLAZRE142LGEXGKH

Số động cơ (Engine No): 2ZR-X046940

Số khung (Chassis No): RL4BC42E7A5001054

Năm, Nước sản xuất: 2010, Việt Nam

(Production year, Country)

Có kinh doanh vận tải (Commercial)

Có cải tạo (Modification):

Niên hạn sử dụng: (Lifetime limit to)

-

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1530/1535 (mm)
(Wheel formula)
Kích thước bao (Overall dimensions): 4540x1760x1465 (mm)
(Wheel tread)
Kích thước lòng thùng xe: (mm)
(Inside dimensions of cargo desk)
Khoảng cách trục (Wheel base): 2600 (mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): 1230 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized cargo pay mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP LN: 1635/1635 (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: (kg)
(Design/Authorized total mass)
Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) Ngồi: 4 Đứng: 0
(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)
Loại động cơ đốt trong (Engine type):
- Ký hiệu (Engine model): TOYOTA 2ZR
- Thể tích làm việc (Engine Displacement): 1798 (cm3)
- Công suất lớn nhất/lốc đồ quay: 103kW/6400rpm
(Maximum engine output/rpm)
- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng
Loại động cơ điện:
- Số lượng, ký hiệu:
(Number of motors, motor model)
- Điện áp/ Tổng CS dòng cơ điện:
(Voltage/ Total rated power of motors)
- Loại ắc quy (Battery type):
- Điện áp/dung lượng ắc quy (Voltage/Capacity):
(No.) VA-1280692

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)
1: 2; 195/65R15
2: 2; 195/65R15

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
2933D-08764/25
Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until)
27/06/2026

ĐIỂM KIỂM TRA AN TOÀN
HÀ NỘI, ngày 28 tháng 6 năm 2025
(Issued on: Day/Month/Year)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(INSPECTION CENTER)
29-330
Hải Phòng



28/06/2025 10:04

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)
PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)
Ghi chú (Notes): Biển đăng ký nền xanh

1 1 1

E9BE05FA

Nhãn hiệu (Brand):	TOYOTA	Số loại (Model code):	COLOLLA
Loại xe (Type):	Ôtô con	Màu sơn (Color):	Đen
Số máy (Engine N°):	2ZR-X046940		
Số khung (Chassis N°):	ML4BC42E 7A5001054		
Công suất (Horsepower):		Dung tích (Capacity):	1798
Năm sản xuất (Year of manufacture):	2010	Tự trọng (Empty weight):	
Tải trọng (Loading capacity):	Hàng hoá (Goods):		
Số chỗ (Seat capacity):	Ngồi (Sit):	Đứng (Stand):	Nằm (Lie):
Trọng lượng kéo theo Towed weight):		kg: Kích thước bao (Overall dimension):	
Dài (Length):	m; Rộng (Width):	m; Cao (Height):	m
Đăng ký xe có giá trị đến ngày:	tháng	năm	
Valid until date			
Đăng ký lần đầu ngày:			
Date of first registration			

19/01/2011

THÀNH TẠ: CHIAO THỈNH THƯỜNG



Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2011

CHỖ ĐÓNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ha Noi City's Public security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The Traffic Police Division

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

CAR REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): **087450**

Tên chủ xe (Owner's full name): **VPHDND & UBND HUYỆN THẠCH THẤT**

Địa chỉ (Address): **TT Liên Quan-Thạch Thất-HN**

Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N^o/Passport): **29A-000.58**

Biển số đăng ký (N^o Plate):

Mã số 0
Thật xác theo Thông tư số 06/2009 TT-BCT-CT
Ngày 11/02/2009 của Bộ Công an